UBND TỈNH THANH HÓA **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 343/QĐ-ĐVTDT	*Thanh Hóa, ngày 23 tháng 06 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
V/v công nhận tốt nghiệp Đại học - Hệ chính quy khóa học (2012-2016)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ

Căn cứ Quyết định số Số: 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 57/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Quyết định số: 536/QĐ-ĐVTDT ngày 24/08/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định tổ chức quản lý đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Căn cứ Thông báo số: 337/ĐVTDT-ĐT ngày 22 /6/2016 về kết quả xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp các lớp ĐH hệ chính quy khóa học 2012-2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận 319 sinh viên tốt nghiệp hệ ĐH chính quy khóa 2012-2016 gồm:

1.1. Sư phạm âm nhạc:	68	sinh viên
1.2. Đồ họa:	37	sinh viên
1.3. Quản lý văn hóa:	70	sinh viên
1.4. Sư phạm mĩ thuật:	43	sinh viên
1.5. Việt Nam học:	62	sinh viên
1.6. Hội họa:	39	sinh viên

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Phòng Quản lý đào tạo, phòng Công tác HSSV và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ tốt nghiệp và tổ chức lễ phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên theo đúng quy định.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) trưởng Phòng: Quản lý Đào tạo, Công tác HSSV, Kế hoạch-Tài chính, trưởng các khoa: SPNT, VHTT, Du lịch, Âm nhạc, Mĩ thuật, các đơn vị phòng khoa liên quan và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận
- Như điều 2/QĐ ;
- Lưu : VP, ĐT.

(Đã ký)

TS. Lê Thanh Hà

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Kèm theo quyết định số : 343 QĐ-ĐVTDT, ngày 23 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

NGÀNH: SƯ PHẠM ÂM NHẠC

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Xếp hạng
1.	125SPAN01001	Đỗ Trọng	An	13/01/94	Nam	Thọ Xuân – Thanh Hóa	6.8	2.66	TBK
2.	125SPAN01002	Đặng Thị Ngọc	Anh	18/08/93	Nữ	Nga Sơn – Thanh Hóa	6.7	2.58	TBK
3.	125SPAN01003	Hà Thị Phương	Anh	10/09/94	Nữ	Triệu Sơn – Thanh Hóa	6.9	2.72	TBK
4.	125SPAN01004	Bùi Thị	ánh	11/12/94	Nữ	Ngọc Lặc – Thanh Hóa	6.9	2.67	TBK
5.	125SPAN01005	Nguyễn Xuân	Bách	01/07/88	Nam	Bỉm Sơn – Thanh Hóa	8	3.35	Giỏi
6.	125SPAN01006	Phạm Văn	Bình	19/06/88	Nam	Thọ Xuân – Thanh Hóa	8	3.35	Giỏi
7.	125SPAN01007	Nguyễn Thị	Châm	30/08/94	Nữ	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	7.2	2.9	Khá
8.	125SPAN01008	Hà Thị	Chanh	26/02/94	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.6	3.14	Khá
9.	125SPAN01009	Phạm Văn	Chiến	21/02/94	Nam	Quan Sơn – Thanh Hóa	7.8	3.28	Giỏi
10.	125SPAN01010	Trương Phúc	Cử	08/03/94	Nam	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.2	2.93	Khá
11.	125SPAN01011	Trương Thị	Cúc	17/03/93	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	6.8	2.62	TBK
12.	125SPAN01012	Hoàng Trung	Đức	09/03/94	Nam	Quế Phong – Thanh Hóa	6.8	2.7	TBK
13.	125SPAN01013	Nguyễn Văn	Đức	13/04/94	Nam	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.6	3.14	Khá
14.	125SPAN01014	Trần Thị	Dung	05/10/92	Nữ	Vĩnh Lộc – Thanh Hóa	8.1	3.4	Giỏi
15.	125SPAN01015	Trịnh Thị	Dung	11/12/94	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	6.9	2.71	TBK
16.	125SPAN01016	Lê Huy	Dũng	25/03/94	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.3	2.94	Khá
17.	125SPAN01017	Mai Văn	Hoàng	18/02/94	Nam	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	6.8	2.61	TBK
18.	125SPAN01018	Vi Thị	Hồng	29/08/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	6.5	2.46	TB
19.	125SPAN01019	Nguyễn Đình	Hùng	29/04/93	Nam	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.71	3.2	Giỏi
20.	125SPAN01020	Nguyễn Thị	Hương	16/11/94	Nữ	Vĩnh Lộc – Thanh Hóa	7	2.79	TBK
21.	125SPAN01021	Quách Văn	Huy	09/10/93	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.1	2.85	Khá
22.	125SPAN01022	Phạm Thu	Huyền	19/10/94	Nữ	Ngọc Lặc – Thanh Hóa	8.1	3.49	Giỏi
23.	125SPAN01023	Lục Văn	Khiêm	12/02/93	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	6.9	2.7	TBK
24.	125SPAN01024	Tào Văn	Khoa	13/08/94	Nam	Bá Thước – Thanh Hóa	6.8	2.62	TBK
25.	125SPAN01025	Phan Doãn	Kiên	04/10/89	Nam	Đông Sơn – Thanh Hóa	7.6	3.16	Khá
26.	125SPAN01026	Nguyễn Thị	Kiều	20/11/91	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	7.8	3.26	Giỏi
27.	125SPAN01027	Bùi Văn	Lai	20/06/94	Nam	Như Xuân – Thanh Hóa	7.2	2.91	Khá
28.	125SPAN01028	Vi Văn	Lập	27/09/90	Nam	Mường Lát – Thanh Hóa	6.8	2.6	TBK
29.	125SPAN01029	Đoàn Văn	Lập	10/09/84	Nam	Triệu Sơn – Thanh Hóa	6.8	2.71	TBK
30.	125SPAN01030	Lê Thị	Loan	06/07/94	Nữ	Huyện Nông Cống	6.8	2.67	TBK
31.	125SPAN01031	Trịnh Thị	Loan	08/10/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	6.7	2.6	TBK
32.	125SPAN01032	Bùi Văn	Luân	20/10/92	Nam	Ngọc Lặc – Thanh Hóa	6.8	2.72	TBK
33.	125SPAN01033	Tống Duy	Lượng	17/02/86	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	6.9	2.66	TBK
34.	125SPAN01034	Nguyễn Tiến	Minh	06/01/90	Nam	Quảng Xương – Thanh Hóa	8.1	3.35	Giỏi
35.	125SPAN01035	Phạm Thuý	Ngân	12/08/93	Nữ	Thành phố Vũng Tàu	8.1	3.35	Giỏi

36.	125SPAN01036	Phạm Huỳnh	Ngọc	29/05/92	Nam	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.2	2.91	Khá
37.	125SPAN01037	Hà ánh	Nguyệt	03/07/94	Nữ	Như Xuân – Thanh Hóa	7.6	3.15	Khá
38.	125SPAN01038	Hoàng Minh	Nhất	08/09/93	Nam	Yên Định – Thanh Hóa	7.85	3.28	Giỏi
39.	125SPAN01039	Hà Việt	Phương	05/08/93	Nam	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	8.2	3.49	Giỏi
40.	125SPAN01040	Nguyễn Thị	Phương	05/10/94	Nữ	Hậu Lộc – Thanh Hóa	6.9	2.72	TBK
41.	125SPAN01041	Cao Đăng	Phương	12/06/94	Nam	Sầm Sơn – Thanh Hóa	6.82	2.62	TBK
42.	125SPAN01042	Hà Văn	Quy	09/04/93	Nam	Lang Chánh – Thanh Hóa	7.61	3.16	Khá
43.	125SPAN01043	Lê Đình	Quyền	02/02/92	Nam	Đông Sơn – Thanh Hóa	7.83	3.26	Giỏi
44.	125SPAN01044	Phạm Thị Như	Quỳnh	16/02/94	Nữ	Phú Thiện – Gia Lai	7.22	2.91	Khá
45.	125SPAN01045	Hoàng Văn	Tài	11/09/92	Nam	Nghĩa Đàn - Nghệ An	6.82	2.61	TBK
46.	125SPAN01046	Trần Văn	Thắng	28/03/89	Nam	Tĩnh Gia – Thanh Hóa	6.8	2.71	TBK
47.	125SPAN01047	Nguyễn Hoài	Thanh	27/01/92	Nữ	Quảng Xương – Thanh Hóa	6.83	2.67	TBK
48.	125SPAN01048	Lê Văn	Thảo	10/02/93	Nam	Lang Chánh – Thanh Hóa	6.5	2.47	TB
49.	125SPAN01049	Lò Văn	Tháp	08/12/92	Nam	Lang Chánh – Thanh Hóa	7.8	3.2	Giỏi
50.	125SPAN01050	Nguyễn Văn	Thơ	17/05/94	Nam	Nông Cống – Thanh Hóa	7.2	2.8	Khá
51.	125SPAN01051	Lê Bá	Thọ	26/03/94	Nam	Yên Định – Thanh Hóa	7.1	2.85	Khá
52.	125SPAN01052	Trịnh Thị	Thư	10/04/94	Nữ	Hà Trung – Thanh Hóa	8.1	3.4	Giỏi
53.	125SPAN01053	Đỗ Văn	Thúc	10/02/94	Nam	Thọ Xuân – Thanh Hóa	6.9	2.7	TBK
54.	125SPAN01054	Nguyễn Thương	Thương	25/09/94	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	6.8	2.62	TBK
55.	125SPAN01055	Bùi Thị	Thuý	04/06/94	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.6	3.1	Khá
56.	125SPAN01056	Bùi Thị	Tính	10/12/93	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	7.9	3.26	Giỏi
57.	125SPAN01057	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	25/08/94	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.26	2.91	Khá
58.	125SPAN01058	Vi Thị	Trang	15/02/94	Nữ	Huyện Như Thanh	6.8	2.6	TBK
59.	125SPAN01059	Quách Văn	Trường	05/02/90	Nam	Vĩnh Lộc – Thanh Hóa	6.82	2.71	TBK
60.	125SPAN01060	Bùi Minh	Tú	12/08/90	Nam	Thạch Thành – Thanh Hóa	6.86	2.67	TBK
61.	125SPAN01061	Hoàng Văn	Tú	09/09/94	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	6.9	2.74	TBK
62.	125SPAN01062	Lê Anh	Tuấn	22/02/94	Nam	Nông Cống – Thanh Hóa	6.82	2.62	TBK
63.	125SPAN01063	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	01/08/92	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.61	3.16	Khá
64.	125SPAN01064	Nguyễn Viết	Tuấn	29/02/94	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	7.82	3.26	Giỏi
65.	125SPAN01065	Phạm Văn	Tuất	15/08/93	Nam	Ngọc Lặc – Thanh Hóa	7.25	2.91	Khá
66.	125SPAN01066	Lô Thị	Vân	10/06/94	Nữ	Quỳ Hợp - Nghệ An	6.8	2.62	TBK
67.	125SPAN01067	Phạm Thị	Vân	24/10/91	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	6.91	2.7	TBK
68.	125SPAN01068	Nguyễn Trọng	Vương	26/09/92	Nam	Triệu Sơn – Thanh Hóa	6.8	2.63	TBK

Tổng số: 68 sinh viên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Dũng

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Kèm theo quyết định số : 343 QĐ-ĐVTDT, ngày 23 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

NGÀNH: ĐỒ HỌA

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Xếp hạng
1	125ĐH01001	Nguyễn Văn	Anh	12/12/94	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7	2.77	TBK
2	125ĐH01002	Chương Văn	Bình	21/06/94	Nam	Cẩm Thủy – Thanh Hóa	7.4	3.02	Khá
3	125ĐH01003	Nguyễn Văn	Chung	20/02/94	Nam	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.2	2.85	Khá
4	125ĐH01004	Lê Văn	Đoàn	06/06/94	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	6.9	2.72	TBK
5	125ĐH01005	Lê Đình Minh	Đức	08/01/93	Nam	Hương Sơn – Hà Tĩnh	6.9	2.67	TBK
6	125ĐH01006	Trịnh Thị	Dung	10/05/94	Nữ	Quan Sơn – Thanh Hóa	8	3.35	Giỏi
7	125ĐH01007	Lương Thị	Hằng	02/02/94	Nữ	Hoa Lư – Ninh Bình	8	3.35	Giỏi
8	125ĐH01008	Trần Thị Thu	Hằng	16/03/94	Nữ	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	7.2	2.9	Khá
9	125ĐH01009	Nguyễn Văn	Hiếu	27/02/94	Nam	Tam Điệp– Ninh Bình	7.6	3.14	Khá
10	125ĐH01010	Hoàng Thị	Hoài	15/05/94	Nữ	Nghi Xuân - Nghệ An	7.8	3.28	Giỏi
11	125ĐH01011	Phạm Thị Thu	Hoài	20/07/94	Nữ	Hoa Lư – Ninh Bình	7.2	2.93	Khá
12	125ĐH01012	Trịnh Thị	Huệ	19/09/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	6.8	2.62	TBK
13	125ĐH01013	Mai Văn	Hùng	20/10/93	Nam	Nông Cống – Thanh Hóa	6.8	2.7	TBK
14	125ĐH01014	Đoàn Thị	Hương	11/11/94	Nữ	Hậu Lộc – Thanh Hóa	7.6	3.14	Khá
15	125ĐH01015	Hoàng Thị	Hương	25/05/94	Nữ	Anh Sơn – Thanh Hóa	8.1	3.4	Giỏi
16	125ĐH01016	Nguyễn Thị Hương	Lan	20/07/94	Nữ	Vĩnh Lộc – Thanh Hóa	6.9	2.71	TBK
17	125ĐH01017	Phạm Ngọc	Lan	15/09/94	Nữ	Hậu Lộc – Thanh Hóa	8.1	3.35	Giỏi
18	125ĐH01018	Đỗ Thị	Lý	05/05/94	Nữ	Quan Sơn – Thanh Hóa	8.1	3.35	Giỏi
19	125ĐH01019	Nguyễn Văn	Ngọc	07/06/94	Nam	Nghĩa Hưng – Nam Định	7.2	2.91	Khá
20	125ĐH01020	Bùi Thị	Nguyệt	07/04/94	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7.6	3.15	Khá
21	125ĐH01021	Lê Thị	Nhi	14/11/94	Nữ	Triệu Sơn – Thanh Hóa	7.85	3.28	Giỏi
22	125ĐH01022	Lê Thị Tuyết	Nhung	11/03/94	Nữ	Nga Sơn – Thanh Hóa	8.2	3.49	Giỏi
23	125ĐH01023	Đoàn Thị Kim	Phượng	10/11/94	Nữ	Kỳ Anh – Hà Tĩnh	6.9	2.72	TBK
24	125ĐH01024	Nguyễn Đình	Quyết	23/11/94	Nam	Xuân Trường – Nam Định	6.82	2.62	TBK
25	125ĐH01025	Lê Thế	Sơn	02/08/94	Nam	Yên Định – Thanh Hóa	7.61	3.16	Khá
26	125ĐH01026	Nguyễn Văn	Tâm	06/12/94	Nam	Yên Định – Thanh Hóa	7.9	3.31	Giỏi
27	125ĐH01027	Bùi Quốc	Thành	02/10/94	Nam	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.5	3.05	Khá
28	125ĐH01028	Đồng Xuân	Thành	10/05/91	Nam	Hậu Lộc – Thanh Hóa	7.4	2.97	Khá
29	125ĐH01029	Đặng Văn	Thuận	08/02/83	Nam	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	8.2	3.53	Giỏi
30	125ĐH01030	Hà Văn	Thương	19/05/94	Nam	Quan Sơn – Thanh Hóa	7.4	2.98	Khá
31	125ĐH01031	Ngô Thị Hoài	Thương	22/06/94	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	6.9	2.7	TBK
32	125ĐH01032	Lê Thị Thu	Thuỷ	16/07/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.2	2.9	Khá
33	125ĐH01033	Bùi Thị	Tình	10/10/94	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	7.6	3.14	Khá

34	125ĐH01034	Lê Văn	Tuấn	19/08/94	Nam	Tĩnh Gia – Thanh Hóa	7.8	3.28	Giỏi
35	125ĐH01035	Nguyễn Đăng	Tuấn	01/01/94	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.2	2.93	Khá
36	125ĐH01036	Lê Thị	Vân	21/01/94	Nữ	Tĩnh Gia – Thanh Hóa	7.4	3.02	Khá
37	125ĐH01037	Trịnh Minh	Vân	27/02/92	Nữ	Bỉm Sơn – Thanh Hóa	7.2	2.85	Khá

Tổng số: 37 sinh viên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Dũng

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Kèm theo quyết định số : QĐ-ĐVTDT, ngày tháng năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

NGÀNH: QUẢN LÝ VĂN HÓA

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Xếp hạng
1	125QLVH01001	Đỗ Ngọc	Anh	31/12/90	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	6.8	2.65	TBK
2	125QLVH01002	Mai Thị	Bảy	12/09/93	Nữ	Ngọc Lặc – Thanh Hóa	7.6	3.12	Khá
3	125QLVH01003	Ngân Thị	Chấp	05/04/94	Nữ	Mường Lát – Thanh Hóa	7.6	3.14	Khá
4	125QLVH01004	Lương Thị	Chính	10/01/94	Nữ	Quan Sơn – Thanh Hóa	7	2.75	TBK
5	125QLVH01005	Nguyễn Trọng	Chung	07/07/94	Nam	Như Thanh – Thanh Hóa	6.8	2.69	TBK
6	125QLVH01006	Hà Thị	Chung	01/04/93	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7.2	2.86	Khá
7	125QLVH01007	Đỗ Thị	Chung	15/06/94	Nữ	Nga Sơn – Thanh Hóa	7.5	3.12	Khá
8	125QLVH01008	Thao Văn	Cung	15/09/94	Nam	Mường Lát – Thanh Hóa	6.9	2.73	TBK
9	125QLVH01009	Bùi Văn	Cương	19/08/93	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7	2.85	Khá
10	125QLVH01010	Lương Thị	Đào	02/05/94	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7.6	3.15	Khá
11	125QLVH01011	Hà Thị	Diễn	26/06/94	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7.3	3.02	Khá
12	125QLVH01012	Thao Thị	Dua	04/06/94	Nữ	Quan Sơn – Thanh Hóa	8.3	3.6	Giỏi
13	125QLVH01013	Trần Minh	Đức	08/10/92	Nam	Ngọc Lặc – Thanh Hóa	7.9	3.31	Giỏi
14	125QLVH01014	Lê Thị	Dung	10/12/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.5	3.05	Khá
15	125QLVH01015	Lữ Thị	Dung	29/09/94	Nữ	Quan Sơn – Thanh Hóa	7.4	2.97	Khá
16	125QLVH01016	Triệu Thị Mỹ	Duyên	25/02/94	Nữ	Vĩnh Lộc – Thanh Hóa	8.2	3.53	Giỏi
17	125QLVH01017	Lò Thị	Duyên	04/11/93	Nữ	Quan Hoá – Thanh Hóa	7.4	2.98	Khá
18	125QLVH01018	Ngô Thị	Giang	04/06/92	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	6.9	2.7	TBK
19	125QLVH01019	Nguyễn Thị Thu	Hà	20/08/93	Nữ	Hà Trung – Thanh Hóa	7	2.75	TBK
20	125QLVH01020	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/02/94	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	6.8	2.65	TBK
21	125QLVH01021	Phan Thị	Hà	05/05/92	Nữ	Tĩnh Gia – Thanh Hóa	7.1	2.87	Khá
22	125QLVH01022	Trịnh Thị	Hà	08/05/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.9	3.35	Giỏi
23	125QLVH01023	Đỗ Trọng	Hải	25/07/93	Nam	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7	2.83	Khá
24	125QLVH01024	Lê Thị	Hằng	10/03/93	Nữ	Ngọc Lặc – Thanh Hóa	7.6	3.15	Khá
25	125QLVH01025	Lê Thị	Hạnh	02/10/94	Nữ	Cẩm Thủy – Thanh Hóa	6.5	2.42	TB
26	125QLVH01026	Ngân Văn	Hoàn	04/11/94	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.4	3.04	Khá
27	125QLVH01027	Hà Thị	Hoành	24/11/94	Nữ	Mường Lát – Thanh Hóa	7.6	3.19	Khá
28	125QLVH01028	Nguyễn Thị	Hồng	12/06/94	Nữ	Hậu Lộc – Thanh Hóa	6.9	2.76	TBK
29	125QLVH01029	Phạm Thị	Hồng	13/02/94	Nữ	Quan Sơn – Thanh Hóa	7.2	2.92	Khá
30	125QLVH01030	Trịnh Thị	Hương	05/08/93	Nữ	Lang Chánh – Thanh Hóa	6.6	2.52	TBK
31	125QLVH01031	Vi Thị	ìm	27/02/94	Nữ	Mường Lát – Thanh Hóa	7.1	2.82	Khá
32	125QLVH01032	Bùi Thị	Lâm	12/10/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.7	3.2	Khá
33	125QLVH01033	Lê Doãn	Lâm	22/05/94	Nam	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.1	2.77	TBK
34	125QLVH01034	Lương Thị	Liền	15/01/94	Nữ	Mường Lát – Thanh Hóa	6.6	2.55	TBK
35	125QLVH01035	Tăng Thị	Linh	11/05/93	Nữ	Hậu Lộc – Thanh Hóa	7.4	3.08	Khá
36	125QLVH01036	Lê Thị	Mai	15/06/94	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	7.7	3.2	Khá
37	125QLVH01037	Nguyễn Thị	Mai	04/03/93	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	6.7	2.57	TBK

38	125QLVH01038	Vi Thị	Mận	03/07/93	Nữ	Quan Sơn – Thanh Hóa	7.9	3.31	Giỏi
39	125QLVH01039	Hà Ngọc	Mến	17/10/93	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	7.1	2.85	Khá
40	125QLVH01040	Nguyễn Tiến	Minh	06/01/90	Nam	Quảng Xương – Thanh Hóa	7.5	3.07	Khá
41	125QLVH01041	Lâu Văn	Mua	06/02/92	Nam	Mường Lát – Thanh Hóa	6.4	2.34	TB
42	125QLVH01042	Hoàng Thị	Nam	07/10/94	Nữ	Mường Lát – Thanh Hóa	6.3	2.36	TB
43	125QLVH01043	Hà Thị	Nga	26/12/94	Nữ	Mường Lát – Thanh Hóa	7.3	3.01	Khá
44	125QLVH01044	Phạm Thuý	Ngân	12/08/93	Nữ	Thành phố Vũng Tàu	6.7	2.6	TBK
45	125QLVH01045	Trịnh Xuân	Nghĩa	13/08/94	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	7.5	3.08	Khá
46	125QLVH01046	Vi Thị	Nguyến	03/11/94	Nữ	Mường Lát – Thanh Hóa	7.3	2.98	Khá
47	125QLVH01047	Lê Thị	Nguyệt	04/11/94	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	6.3	2.3	TB
48	125QLVH01048	Nguyễn Trọng	Nhân	17/10/93	Nam	Yên Định – Thanh Hóa	7.5	3.08	Khá
49	125QLVH01049	Nguyễn Trọng	Nhân	17/10/93	Nam	Cẩm Thuỷ – Thanh Hóa	6.9	2.71	TBK
50	125QLVH01050	Đinh Thị	Nhị	25/02/94	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.3	2.98	Khá
51	125QLVH01051	Phạm Văn	Quỳnh	08/06/93	Nam	Lang Chánh – Thanh Hóa	7.6	3.21	Giỏi
52	125QLVH01052	Nguyễn Công	Tài	15/09/94	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	6.7	2.62	TBK
53	125QLVH01053	Đồng Thị	Tâm	25/03/93	Nữ	Hậu Lộc – Thanh Hóa	6.7	2.61	TBK
54	125QLVH01054	Vi Văn	Thành	09/04/93	Nam	Quan Sơn – Thanh Hóa	6.5	2.43	TB
55	125QLVH01055	Nguyễn Thị	Thuận	10/11/94	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	6.9	2.77	TBK
56	125QLVH01056	Ngân Văn	Thương	13/03/94	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.6	3.16	Khá
57	125QLVH01057	Lê Văn	Tiện	22/08/93	Nam	Như Xuân – Thanh Hóa	7	2.77	TBK
58	125QLVH01058	Mai Thị	Tình	15/10/93	Nữ	Vĩnh Lộc – Thanh Hóa	7.1	2.87	Khá
59	125QLVH01059	Sùng A	Toả	23/06/94	Nam	Mường Lát – Thanh Hóa	7.1	2.88	Khá
60	125QLVH01060	Nguyễn Thị	Toàn	06/04/92	Nữ	Hậu Lộc – Thanh Hóa	8.2	3.53	Giỏi
61	125QLVH01061	Hoàng Văn	Toàn	13/11/93	Nam	Hà Trung – Thanh Hóa	7.4	2.98	Khá
62	125QLVH01062	Lang Thị	Trang	13/10/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	6.9	2.7	TBK
63	125QLVH01063	Nguyễn Thị	Trang	20/03/94	Nữ	Tĩnh Gia – Thanh Hóa	7.1	2.82	Khá
64	125QLVH01064	Trịnh Thị	Trang	08/08/93	Nữ	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	7.7	3.2	Khá
65	125QLVH01065	Mai Thị Đài	Trang	15/12/92	Nữ	Nga Sơn – Thanh Hóa	7.1	2.77	TBK
66	125QLVH01066	Ngô Ngọc	Tuấn	02/10/94	Nam	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.5	3.12	Khá
67	125QLVH01067	Trịnh Thị	Tường	02/12/94	Nữ	Cẩm Thủy – Thanh Hóa	6.9	2.73	TBK
68	125QLVH01068	Trương Thị	Uy	12/09/93	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7	2.85	Khá
69	125QLVH01069	Thiều Thị	Yến	15/01/94	Nữ	Đông Sơn – Thanh Hóa	7.6	3.15	Khá
70	125QLVH01070	Vũ Thị	Yến	27/10/92	Nữ	Triệu Sơn – Thanh Hóa	7.3	3.02	Khá

Tổng số: 70 sinh viên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Dũng

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Kèm theo quyết định số : 343 QĐ-ĐVTDT, ngày 23 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

NGÀNH: SƯ PHẠM MĨ THUẬT

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Xếp hạng
1	125SPMT01001	Đỗ Thị	Châu	11/10/93	Nữ	Nho Quan – Ninh Bình	7.3	2.99	Khá
2	125SPMT01002	Nguyễn Mạnh	Cường	17/08/1991	Nam	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.2	2.92	Khá
3	125SPMT01003	Phạm Công	Đàm	01/04/93	Nam	Lang Chánh – Thanh Hóa	7.4	3.06	Khá
4	125SPMT01004	Đinh Thị Thùy	Dung	06/10/1993	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.3	2.98	Khá
5	125SPMT01005	Nguyễn Thị	Duyên	07/01/94	Nữ	TP Nam Định – Nam Định	7.1	2.81	Khá
6	125SPMT01006	Hà Thị	Hằng	01/09/94	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7	2.79	TBK
7	125SPMT01007	Phan Thị	Hằng	16/04/94	Nữ	Gia Viễn – Ninh Bình	7.8	3.22	Giỏi
8	125SPMT01008	Nguyễn Thị	Hiền	15/12/94	Nữ	Kim Sơn – Ninh Bình	7.6	3.12	Khá
9	125SPMT01009	Trần Thị Thu	Hiền	05/02/93	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	8.1	3.35	Giỏi
10	125SPMT01010	Vũ Thị	Hiền	24/06/94	Nữ	Mỹ Lộc – Nam Định	8.1	3.35	Giỏi
11	125SPMT01011	Dương Thị	Hiền	05/10/94	Nữ	Nga Sơn – Thanh Hóa	7.2	2.91	Khá
12	125SPMT01012	Trương Sỹ	Hiệp	02/02/93	Nam	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.6	3.15	Khá
13	125SPMT01013	Bùi Thị	Huệ	24/10/94	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7.85	3.28	Giỏi
14	125SPMT01014	Ngân Thị	Huyền	10/02/94	Nữ	Ý Yên – Hà Nam	8.2	3.49	Giỏi
15	125SPMT01015	Nguyễn Thị Tùng	Lâm	19/12/94	Nữ	Lang Chánh – Thanh Hóa	6.9	2.72	TBK
16	125SPMT01016	Lê Thị	Lực	20/01/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	6.82	2.62	TBK
17	125SPMT01017	Hoàng Thị	Mai	17/10/94	Nữ	Yên Mô – Ninh Bình	7.61	3.16	Khá
18	125SPMT01018	Phan Thị Thuý	Mơ	07/06/94	Nữ	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	7.9	3.31	Giỏi
19	125SPMT01019	Lê Thị Thuý	Nga	08/08/94	Nữ	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	7.5	3.05	Khá
20	125SPMT01020	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/03/94	Nữ	Triệu Sơn – Thanh Hóa	6.3	2.3	TB
21	125SPMT01021	Nguyễn Văn	Nguyên	10/01/92	Nam	Đông Hưng – Thái Bình	7.5	3.08	Khá
22	125SPMT01022	Chu Thị Minh	Phương	19/06/94	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	6.9	2.71	TBK
23	125SPMT01023	Lê Thị Lệ	Quyên	20/05/93	Nữ	Triệu Sơn – Thanh Hóa	7.3	2.98	Khá
24	125SPMT01024	Nguyễn Thị	Quyên	04/07/93	Nữ	Tĩnh Gia – Thanh Hóa	7.6	3.21	Giỏi
25	125SPMT01025	Lê Thị Như	Quỳnh	12/02/94	Nữ	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	6.7	2.62	TBK
26	125SPMT01026	Nguyễn Duy	Tâm	10/12/94	Nam	Vũ Thư – Thái Bình	6.7	2.61	TBK
27	125SPMT01027	Phạm Trọng	Thành	15/06/94	Nam	Vụ Bản – Ninh Bình	6.5	2.43	TB
28	125SPMT01028	Lê Thị Thu	Thảo	10/10/94	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh	6.9	2.77	TBK

						Hóa			
29	125SPMT01029	Dương Xuân	Thọ	04/04/94	Nam	Hoa Lư – Ninh Bình	7.6	3.16	Khá
30	125SPMT01030	Lê Hoài	Thu	10/05/94	Nữ	Như Thanh – Thanh Hóa	7	2.77	TBK
31	125SPMT01031	Trịnh Thị Hoài	Thương	07/07/94	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	7.1	2.87	Khá
32	125SPMT01032	Nguyễn Thị	Thuý	06/07/94	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7.1	2.88	Khá
33	125SPMT01033	Bùi Văn	Thuỷ	05/04/94	Nam	Nam Trực – Nam Định	8.2	3.53	Giỏi
34	125SPMT01034	Lê Thị	Thuỷ	29/05/93	Nữ	Thường Xuân– Thanh Hóa	7.3	3.0	Khá
35	125SPMT01035	Nguyễn Kim	Tình	28/04/94	Nam	Mỹ Lộc – Nam Định	7.2	2.96	Khá
36	125SPMT01036	Nguyễn Thị	Toàn	04/06/94	Nam	Hải Hậu – Nam Định	7.4	3.16	Khá
37	125SPMT01037	Nguyễn Thị	Trang	02/06/94	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	7.3	3.0	Khá
38	125SPMT01038	Đặng Văn	Tuấn	17/10/94	Nam	Nho Quan– Ninh Bình	7.1	2.86	Khá
39	125SPMT01039	Phạm Anh	Tuấn	10/07/94	Nam	Bỉm Sơn – Thanh Hóa	7	2.79	TB khá
40	125SPMT01040	Hà Thị	Vui	19/07/86	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.8	3.20	Giỏi
41	125SPMT01041	Lê Văn	Vương	01/02/94	Nam	Quỳnh Phụ - Thái Bình	7.6	3.12	Khá
42	125SPMT01042	Đỗ Thị Hải	Yến	24/01/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.2	2.91	Khá
43	125SPMT01043	Hoàng Thị	Yến	14/04/93	Nữ	Ý Yên – Hà Nam	7.6	3.15	Khá

Tổng số: 43 sinh viên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Dũng

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Kèm theo quyết định số : 343 QĐ-ĐVTDT, ngày 23 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Xếp hạng
1	125VHDL01001	Lê Thuý	An	27/07/94	Nữ	Con Cuông - Nghệ An	7.5	3.09	Khá
2	125VHDL01002	Lê Thị Lan	Anh	03/09/94	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	7.8	3.3	Giỏi
3	125VHDL01003	Trương Văn	Bảy	05/08/94	Nam	Gia Viễn– Ninh Bình	7.4	3.1	Khá
4	125VHDL01004	Đoàn Thị	Bình	08/02/94	Nữ	Quảng Xương – Thanh Hóa	6.5	2.5	TBK
5	125VHDL01005	Nguyễn Thị	Bình	17/06/93	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	7.6	3.18	Khá
6	125VHDL01006	Phan Văn	Định	20/05/94	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	7.2	2.93	Khá
7	125VHDL01007	Nguyễn Văn	Đức	25/10/94	Nam	Triệu Sơn – Thanh Hóa	7.1	2.87	Khá
8	125VHDL01008	Lê Thị	Dung	13/08/94	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.1	2.83	Khá
9	125VHDL01009	Trần Kim	Dung	10/04/94	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	7	2.83	Khá
10	125VHDL01010	Bùi Thị	Giang	26/03/92	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.1	2.87	Khá
11	125VHDL01011	Lê Thị	Hà	24/09/94	Nữ	Lang Chánh – Thanh Hóa	6.7	2.66	TBK
12	125VHDL01012	Lê Thị	Hải	03/10/93	Nữ	Triệu Sơn – Thanh Hóa	6.5	2.47	TB
13	125VHDL01013	Huỳnh Thị	Hải	10/10/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.2	2.91	Khá
14	125VHDL01014	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	19/04/94	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	7.6	3.23	Giỏi
15	125VHDL01015	Trương Thị	Hằng	24/11/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.4	3	Khá
16	125VHDL01016	Lê Thị	Hạnh	07/06/93	Nữ	Lang Chánh – Thanh Hóa	6.8	2.74	TBK
17	125VHDL01017	Lê Văn	Hào	05/05/94	Nam	Tam Điệp – Ninh Bình	7.2	2.88	Khá
18	125VHDL01018	Đào Huy	Hiền	20/08/93	Nam	Triệu Sơn – Thanh Hóa	7.1	2.91	Khá
19	125VHDL01019	Lê Thị Mai	Hoa	22/07/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7	2.82	Khá
20	125VHDL01020	Đỗ Thu	Hoài	27/11/82	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7	2.78	TBK
21	125VHDL01021	Nguyễn Thị	Hồng	06/04/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.1	2.8	Khá
22	125VHDL01022	Nguyễn Kim	Huệ	15/01/94	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	7.8	3.24	Giỏi
23	125VHDL01023	Dương Thị Thu	Hường	05/05/94	Nữ	Tam Điệp – Ninh Bình	6.7	2.66	TBK
24	125VHDL01024	Chu Đức	Huy	15/12/93	Nam	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.7	3.25	Giỏi
25	125VHDL01025	Phạm Thị Thanh	Lam	20/10/94	Nữ	Nho Quan – Ninh Bình	6.8	2.62	TBK
26	125VHDL01026	Lương Thị Thúy	Lan	24/8/1994	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	6.7	2.57	TBK
27	125VHDL01027	Vi Văn	Linh	14/09/93	Nam	Quế Phong - Nghệ An	7.2	2.89	Khá
28	125VHDL01028	Phạm Thị	Loan	28/09/94	Nữ	Hậu Lộc – Thanh Hóa	6.5	2.48	TB
29	125VHDL01029	Nguyễn Thị	Mai	06/04/94	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	7.2	2.91	Khá
30	125VHDL01030	Trần Văn	Mạnh	20/02/91	Nam	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	7.6	3.17	Khá
31	125VHDL01031	Đỗ Thị	Nga	06/09/94	Nữ	Như Xuân – Thanh Hóa	6.8	2.68	TBK
32	125VHDL01032	Vũ Thị	Ngà	05/05/94	Nữ	Kim Sơn – Ninh Bình	7.1	2.83	Khá
33	125VHDL01033	Trương Thị	Nhâm	20/10/94	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	7.3	3	Khá
34	125VHDL01034	Lê Thị Thu	Ngân	30/11/94	Nữ	Nho Quan – Ninh Bình	6.4	2.36	TB
35	125VHDL01035	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	10/03/94	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	6.3	2.28	TB

36	125VHDL01036	Phạm Thị	Ngọc	28/04/94	Nữ	Yên Thành - Nghệ An	7.8	3.22	Giỏi
37	125VHDL01037	Lê Thị Hồng	Nhung	19/05/94	Nữ	Triệu Sơn – Thanh Hóa	7.6	3.12	Khá
38	125VHDL01038	Lê Thị	Nụ	03/09/92	Nữ	Triệu Sơn – Thanh Hóa	8.1	3.35	Giỏi
39	125VHDL01039	Trương Thị	Phương	16/04/94	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	8.1	3.35	Giỏi
40	125VHDL01040	Trịnh Hương	Quỳnh	23/09/93	Nữ	Vĩnh Lộc – Thanh Hóa	7.2	2.91	Khá
41	125VHDL01041	Trần Văn	Sơn	01/05/93	Nam	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.6	3.15	Khá
42	125VHDL01042	Lê Thị	Thanh	05/08/93	Nữ	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	7.85	3.28	Giỏi
43	125VHDL01043	Bùi Thị	Thảo	22/11/94	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	8.2	3.49	Giỏi
44	125VHDL01044	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/12/94	Nữ	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	6.9	2.72	TBK
45	125VHDL01045	Dương Thị Phương	Thảo	02/09/93	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	6.82	2.62	TBK
46	125VHDL01046	Lương Thị	Thích	21/08/92	Nữ	Quan Hoá – Thanh Hóa	7.61	3.16	Khá
47	125VHDL01047	Lê Văn	Thọ	06/10/93	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	7	2.78	TBK
48	125VHDL01048	Trương Thị	Thọ	05/02/94	Nữ	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	7.4	3.02	Khá
49	125VHDL01049	Lê Thị Hoài	Thu	10/10/94	Nữ	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	7.2	2.82	Khá
50	125VHDL01050	Vũ Thị	Thư	08/07/93	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	6.9	2.74	TBK
51	125VHDL01051	Phạm Huyền	Thương	28/11/94	Nữ	Cẩm Thủy – Thanh Hóa	6.9	2.67	TBK
52	125VHDL01052	Lưu Thị	Thương	06/05/94	Nữ	Yên Định – Thanh Hóa	8	3.35	Giỏi
53	125VHDL01053	Đồng Thị	Tình	24/04/94	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	8	3.32	Giỏi
54	125VHDL01054	Lê Thị	Trang	07/01/94	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.2	2.92	Khá
55	125VHDL01055	Nguyễn Hà	Trang	11/04/94	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.6	3.11	Khá
56	125VHDL01056	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/02/93	Nữ	TP Thanh Hoá – Thanh Hóa	7.8	3.26	Giỏi
57	125VHDL01057	Đào Hữu	Trung	01/06/92	Nam	Triệu Sơn – Thanh Hóa	7.2	2.95	Khá
58	125VHDL01058	Trịnh Văn	Tư	08/08/93	Nam	Thiệu Hoá – Thanh Hóa	6.8	2.65	TBK
59	125VHDL01059	Lê Văn	Tuyền	20/07/94	Nam	Gia Viễn – Ninh Bình	6.8	2.7	TBK
60	125VHDL01060	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/07/94	Nữ	Đông Sơn – Thanh Hóa	7.6	3.18	Khá
61	125VHDL01061	Tô Thị	Yến	07/09/94	Nữ	Quảng Xương – Thanh Hóa	7.2	2.93	Khá
62	125VHDL01062	Đinh Thị	Yến	02/02/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.2	2.95	Khá

Tổng số: 62 sinh viên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Dũng

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Kèm theo quyết định số : 343 QĐ-ĐVTDT, ngày 23 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

NGÀNH: HỘI HỌA

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	Xếp hạng
1	125HH01001	Dương Thị Mỹ	Duyên	10/10/94	Nữ	Yên Thành - Nghệ An	7.2	2.82	Khá
2	125HH01002	Lê Hoàng	Bách	10/09/94	Nam	Nghĩa Đàn- Nghệ An	6.9	2.74	TBK
3	125HH01003	Hà Khắc	Bình	12/05/94	Nam	Yên Định – Thanh Hóa	6.9	2.68	TBK
4	125HH01004	Chu Đình	Chinh	17/03/94	Nam	Hoằng Hoá– Thanh Hóa	8	3.31	Giỏi
5	125HH01005	Lê Thanh	Chương	20/11/94	Nam	Gia Viễn-Ninh Bình	8	3.31	Giỏi
6	125HH01006	Dương Thị Mĩ	Duyên	10/10/94	Nữ	Yên Thành-Nghệ An	7.2	2.92	Khá
7	125HH01007	Dương Văn	Giang	07/07/94	Nam	Bá Thước – Thanh Hóa	7.6	3.13	Khá
8	125HH01008	Phạm Thị Bích	Hạnh	28/12/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.8	3.24	Giỏi
9	125HH01009	Lê Văn	Hào	21/01/94	Nam	Bá Thước – Thanh Hóa	7.2	2.9	Khá
10	125HH01010	Bùi Thi	Hoa	10/03/94	Nữ	Huyện Kỳ Anh-Hà Tĩnh	6.8	2.6	TBK
11	125HH01011	Trương Thị	Hồng	10/03/94	Nữ	Bá Thước – Thanh Hóa	6.8	2.7	TBK
12	125HH01012	Hoàng Thị	Huệ	02/02/94	Nữ	Mường Lát – Thanh Hóa	7.6	3.11	Khá
13	125HH01013	Nguyễn Thị	Huế	03/03/94	Nữ	Nghi Lộc - Nghệ an	8.1	3.42	Giỏi
14	125HH01014	Trịnh Thị	Huệ	19/09/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.8	3.25	Giỏi
15	125HH01015	Dương Thị Như	Huệ	05/05/94	Nữ	Quỳnh Lưu-Nghệ An	7.6	3.15	Khá
16	125HH01016	Phạm Thị Thu	Hương	10/12/93	Nữ	Nghi Lộc - Nghệ an	8.1	3.32	Giỏi
17	125HH01017	Vũ Văn	Lập	09/09/94	Nam	Mường Lát – Thanh Hóa	8.1	3.31	Giỏi
18	125HH01018	Đỗ Thị	Liên	25/10/94	Nữ	Nghĩa Hưng – Nam Định	7.2	2.89	Khá
19	125HH01019	Lê Văn	Long	12/12/94	Nam	Cẩm Thủy – Thanh Hóa	7.6	3.18	Khá
20	125HH01020	Lê Thị	Lý	28/05/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	7.8	3.25	Giỏi
21	125HH01021	Hà Thị	Mơ	10/05/94	Nữ	Con Cuông - Nghệ an	8.2	3.49	Giỏi
22	125HH01022	Đỗ Văn	Năm	20/10/94	Nam	Kim Sơn-Ninh Bình	6.9	2.72	TBK
23	125HH01023	Đỗ Thị	Ngọc	18/07/94	Nữ	Thạch Thành – Thanh Hóa	6.8	2.65	TBK
24	125HH01024	Hoàng Thị	Nguyên	02/07/94	Nữ	Nghi Xuân - Nghệ an	6.5	2.47	TB
25	125HH01025	Lê Xuân	Phong	01/08/91	Nam	Yên Định – Thanh Hóa	7.8	3.21	Giỏi
26	125HH01026	Lê Văn	Phúc	06/02/94	Nam	Quỳ Hợp - Nghệ an	7.2	2.8	Khá
27	125HH01027	Bùi Thị Thu	Thảo	09/09/94	Nữ	Yên Mô -Ninh Bình	7.1	2.85	Khá
28	125HH01028	Lê Văn	Thập	12/12/93	Nam	Lang Chánh – Thanh Hóa	8.1	3.41	Giỏi
29	125HH01029	Ninh Thị	Thúy	28/10/94	Nữ	Hà Trung – Thanh Hóa	6.9	2.72	TBK
30	125HH01030	Lê Thị Minh	Thúy	18/04/94	Nữ	Thọ Xuân – Thanh Hóa	6.8	2.62	TBK
31	125HH01031	Nguyễn Khắc	Quân	09/06/94	Nam	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.6	3.12	Khá
32	125HH01032	Lê Thị	Tình	18/10/94	Nữ	Cửa Lò - Nghệ an	7.9	3.26	Giỏi
33	125HH01033	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	22/10/94	Nữ	Nông Cống – Thanh Hóa	7.26	2.91	Khá
34	125HH01034	Phạm Thị	Tuyên	14/04/94	Nữ	Ngọc Lặc – Thanh Hóa	7.1	2.88	Khá
35	125HH01035	Bùi Thị	Xoan	25/09/94	Nữ	Cẩm Thủy – Thanh Hóa	8.2	3.53	Giỏi
36	125HH01036	Phạm Thị Lệ	Xuân	10/02/94	Nữ	Hoằng Hoá – Thanh Hóa	7.4	2.98	Khá

37	125HH01037	Lê Thị	Xuyến	21/07/93	Nữ	Quỳ Hợp - Nghệ an	6.9	2.7	TBK
38	125HH01038	Nguyễn Thị	Xuyến	25/09/94	Nữ	Xuân Trường – Nam Định	7.1	2.82	Khá
39	125HH01039	Lê Thị	Xuyến	28/08/94	Nữ	Thường Xuân – Thanh Hóa	7.7	3.2	Khá

Tổng số: 39 sinh viên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Nguyễn Văn Dũng